

BẢNG GHI TÊN- GHI ĐIỂM DỰ THI

Hội đồng thi: THPT Như Xuân
Phòng thi số: 08

TT	SBD	Chữ ký dự thi			Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Học sinh trường	Kết quả học tập lớp 9										Kết quả điểm bài thi										Ghi chú
		Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh					HKK	HLL	TB TO	TB VA	TB TA	TB M	UT	KK	Toán		Ngữ văn		Tiếng Anh								
																	Số	Bảng chữ	Số	Bảng chữ	Số	Bảng chữ							
1	261169	Nhật	Nhật	Nhật	Lê Đình Nhật	16/02/2006	Nam	THCS Xuân Quý	T	TB	6.1	6.2	5.7	6.5			1.5	Một năm	2.5	Hai hai năm	1.6	Một sáu							
2	261170	Nhật	Nhật	Nhật	Lương Thị Linh Nhi	08/03/2006	Nữ	THCS Cát Tân	T	K	6.3	7.1	7.3	6.9	5.0		2.0	Hai tron	5.25	Năm hai năm	3.2	Ba hai	DTTS						
3	261171	Nhật	Nhật	Nhật	Lương Thảo Nhi	02/01/2006	Nữ	TH&THCS Tân Bình	T	TB	5.7	6.6	6.2	6.3	5.0		1.0	Một tron	5.0	Năm tron	2.4	Hai bốn	DTTS						
4	261172	Nhật	Nhật	Nhật	Lê Thị Yến Nhi	29/06/2006	Nữ	THCS Xuân Quý	T	TB	5.7	6.1	6.1	6.5	5.0		2.0	Hai tron	2.5	Hai năm	2.6	Hai sáu	DTTS						
5	261173	Nhật	Nhật	Nhật	Lê Thị Yến Nhi	20/09/2006	Nữ	THCS Cát Tân	T	K	6.1	6.8	6.7	6.6	5.0		1.5	Một sáu	5.0	Năm tron	2.6	Hai sáu	DTTS						
6	261174	Nhật	Nhật	Nhật	Lê Thị Yến Nhi	11/12/2006	Nữ	THCS Cát Tân	T	K	5.7	6.2	7.5	6.5			3.5	Ba sáu	3.5	ba sáu	3.0	Ba tron							
7	261175	Nhật	Nhật	Nhật	Nguyễn Thị Yến Nhi	09/03/2006	Nữ	THCS Xuân Quý	T	TB	5.8	6.4	5.8	6.4			0.75	Không bảy lần	2.5	hai năm	1.6	Một sáu							
8	261176	Nhật	Nhật	Nhật	Lương Văn Nhuận	03/10/2006	Nam	THCS Thượng Ninh	T	TB	5.5	5.8	5.5	6.2	0.5		2.0	Hai tron	2.5	hai năm	2.4	Hai Bốn	DTTS						
9	261177	Nhung	Nhung	Nhung	Nguyễn Thị Hồng Nhung	24/04/2006	Nữ	TH&THCS Cát Văn	T	K	5.7	6.6	6.8	6.9	0.5		1.5	Một sáu	3.0	ba tron	2.6	Hai sáu	DTTS						
10	261178	Nhung	Nhung	Nhung	Đinh Thị Nhung	21/09/2006	Nữ	TH&THCS Cát Văn	T	TB	5.3	5.3	5.6	6.3	0.5		2.0	Hai tron	3.75	ba bảy năm	2.6	Hai sáu	DTTS						
11	261179	Nhung	Nhung	Nhung	Lê Thị Nhung	25/01/2006	Nữ	THCS Xuân Quý	T	TB	5.8	6.5	5.8	6.5	5.0								DTTS						
12	261180	Như	Như	Như	Lê Thị Quỳnh Như	01/03/2006	Nữ	TH&THCS Cát Văn	T	K	6.8	7.2	6.6	7.4	0.5		4.25	Bốn hai lần	4.0	bốn tron	2.8	Hai tám	DTTS						
13	261181	Như	Như	Như	Nguyễn Tâm Như	17/09/2006	Nữ	THCS Thượng Ninh	T	K	6.7	6.8	6.2	7.1			2.5	Hai sáu	3.5	ba năm	2.4	Hai tư							
14	261182	Niệm	Niệm	Niệm	Vì Văn Niệm	21/08/2006	Nam	THCS Cát Tân	K	TB	5.0	5.1	5.5	5.4	5.0		0.75	Không bảy lần	4.5	bốn năm	2.0	Hai tron	DTTS						
15	261183	Phong	Phong	Phong	Đỗ Việt Tuấn Ninh	30/01/2006	Nam	THCS Yên Cát	T	G	8.3	7.6	6.7	8.3			7.5	Bảy sáu	7.75	bảy bảy năm	5.8	Năm tám							
16	261184	Phong	Phong	Phong	Lò Thị Oanh	13/03/2006	Nữ	THCS Cát Tân	K	TB	5.0	6.5	6.6	5.8	5.0		3.0	Ba tron	4.5	bốn sáu	2.6	Hai sáu	DTTS						
17	261185	Phong	Phong	Phong	Mai Xuân Phong	06/04/2006	Nam	THCS Yên Cát	T	TB	5.2	5.7	5.2	6.4	5.0		0.75	Không bảy lần	6.5	sáu sáu	3.4	Ba tư	DTTS						
18	261186	Phú	Phú	Phú	Lê Ngọc Phú	21/01/2006	Nam	TH&THCS Yên Lễ	T	TB	5.1	5.3	4.8	5.6	5.0		2.5	Hai sáu	4.5	bốn sáu	2.8	Hai tám	DTTS						
19	261187	Phú	Phú	Phú	Đỗ Văn Phú	18/02/2006	Nam	TH&THCS Tân Bình	T	TB	5.0	5.3	5.5	5.2			2.5	Hai sáu	3.5	ba sáu	3.4	Ba tư							
20	261188	Phương	Phương	Phương	Bùi Thị Phương	16/10/2006	Nữ	TH&THCS Yên Lễ	T	K	6.5	7.2	5.9	7.1	5.0		2.5	Hai sáu	8.0	Tám tron	3.4	Ba tư	DTTS						
21	261189	Phương	Phương	Phương	Nguyễn Thị Phương	09/04/2006	Nữ	THCS Cát Tân	T	K	5.7	6.4	7.6	6.5			1.5	Một sáu	5.0	Năm tron	4.2	Bốn hai							
22	261190	Phương	Phương	Phương	Lương Bằng Quang	12/06/2006	Nam	TH&THCS Cát Văn	T	K	7.5	6.7	5.9	7.2	0.5		6.0	Sáu tron	5.5	Năm sáu	2.6	Hai sáu	DTTS						
23	261191	Quang	Quang	Quang	Lê Hữu Quang	01/09/2006	Nam	TH&THCS Cát Văn	T	TB	5.8	5.7	6.0	6.4	0.5		2.5	Hai sáu	5.0	Năm tron	4.4	Bốn tư	DTTS						
24	261192	Quang	Quang	Quang	Lê Phú Quang	24/06/2006	Nam	THCS Yên Cát	T	TB	6.3	6.1	6.0	7.0			2.5	Hai sáu	6.0	Sáu tron	4.2	Bốn hai							

Danh sách có 24 thí sinh

Danh sách có: 24 thí sinh.
HIỆU TRƯỞNG
Thanh Hóa, ngày 5 tháng 6 năm 2021
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

HỘI ĐỒNG CỎI THI
Có 02 TS sửa chữa hồ sơ dự thi thuộc về các SBD: 261180, 261182
Có 10 TS sửa chữa điểm ưu tiên thuộc về các SBD: 170, 171, 173, 174, 175, 176, 177, 178, 179, 180, 181, 182, 183, 184, 185, 186, 187, 188, 189, 190, 191, 192
Có TS sửa chữa điểm khuyến khích thuộc về các SBD:
Cán bộ kiểm tra hồ sơ 1: Trần Thị Hương
Cán bộ kiểm tra hồ sơ 2: Nguyễn Thị Ngọc

Chủ tịch Hội đồng coi thi
Thanh Hóa, ngày 5 tháng 6 năm 2021
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Lê Đình Quang

HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Tổ hội phách lên điểm:
Có 0 TS sửa chữa điểm thuộc về các SBD

- Cán bộ đọc điểm: Excel lập vào Bình
- Cán bộ kiểm soát đọc: th phan thi nhu
- Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Bình
- Cán bộ kiểm soát ghi: Hoàng Thị Huệ

Chức tịch Hội đồng chấm thi
Thanh Hóa, ngày 6 tháng 6 năm 2021
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)
TRUNG TÂM PHỔ THÔNG
TỈNH GIÀ

BẢNG GHI TÊN- GHI ĐIỂM DỰ THI

Hội đồng thi: THPT Như Xuân
Phòng thi số: 09

KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT (2021-2022)																									
TT	SBD	Chữ ký dự thi			Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Học sinh trường	Kết quả học tập lớp 9										Kết quả điểm bài thi						Ghi chú
		Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh					HK I	HK II	TB TO	TB VA	TB TA	TB M	UT	KK	Toán		Ngữ văn		Tiếng Anh				
										Số	Bảng chữ	Số	Bảng chữ	Số	Bảng chữ										
1	261193	Quang	Quang	Quang	Nguyễn Văn Quang	18/01/2006	Nam	THCS Hoà Quý	T	TB	6.5	6.3	5.4	6.2			4.0	Bốn tròn	2.75	Hai bảy lần	3.6	ba sáu			
2	261194	Quân	Quân	Quân	Lê Anh Quân	03/08/2006	Nam	THCS Yên Cát	T	G	8.2	7.7	8.9	8.2	5.0		2.0	Hai tròn	7.25	Bảy hai lần	8.4	Tám bốn	DTTS		
3	261195	Quân	Quân	Quân	Lê Anh Quân	30/11/2006	Nam	TH&THCS Cát Văn	T	K	6.1	6.5	6.2	7.1	0.5		3.5	Ba năm	5.25	Năm hai lần	3.8	ba tám	Điểm tốt	Thỏ	
4	261196	Quân	Quân	Quân	Lê Đức Quân	23/06/2006	Nam	THCS Yên Cát	T	G	8.2	7.5	9.4	8.5	0.5		7.25	bảy hai lần	7.5	bảy năm	9.8	chín tám	DTTS		
5	261197	Quân	Quân	Quân	Lê Minh Quân	29/06/2006	Nam	THCS Hoà Quý	T	K	8.7	6.9	7.9	7.9	5.0		6.25	sáu hai lần	3.75	ba bảy lần	8.2	Tám hai			
6	261198	Quân	Quân	Quân	Lê Minh Quân	11/10/2006	Nam	THCS Hoà Quý	T	K	6.6	6.5	7.1	7.0			3.75	ba bảy lần	4.35	bốn bảy lần	7.0	bảy tròn			
7	261199	Quân	Quân	Quân	Nguyễn Văn Quân	27/09/2006	Nam	TH&THCS Yên Lễ	T	TB	5.7	6.0	5.3	6.0			3.75	ba bảy lần	6.75	sáu bảy lần	3.2	ba hai	DTTS		
8	261200	Quỳn	Quỳn	Quỳn	Bùi Lệ Quỳn	27/08/2006	Nữ	THCS Thượng Ninh	T	G	7.6	8.2	6.9	8.1	0.5		4.5	bốn sáu	7.25	bảy hai lần	6.0	sáu tròn			
9	261201	Quỳn	Quỳn	Quỳn	Lê Thị Quỳn	06/05/2006	Nữ	TH&THCS Tân Bình	T	K	6.2	7.2	5.3	6.6			3.75	ba bảy lần	6.75	sáu bảy lần	2.8	Hai tám	DTTS		
10	261202	Quỳn	Quỳn	Quỳn	Lê Văn Quỳn	27/07/2006	Nam	THCS Cát Tân	K	TB	5.6	4.5	5.9	5.6	5.0									DTTS	
11	261203	Quỳn	Quỳn	Quỳn	Bùi Thị Quỳn	04/05/2006	Nữ	THCS Thượng Ninh	T	K	6.0	7.4	6.1	6.9	0.5		2.75	hai bảy lần	5.0	Năm tròn	2.4	Hai bốn	DTTS		
12	261204	Quỳnh	Quỳnh	Quỳnh	Phạm Đặng Hương Quỳnh	14/11/2006	Nữ	THCS Yên Cát	T	K	6.5	7.0	5.6	7.1			1.75	không bảy lần	6.0	Sáu tròn	4.9	bốn bốn			
13	261205	Sang	Sang	Sang	Phạm Đình Phú Sang	10/01/2006	Nam	THCS Yên Cát	T	G	8.8	7.7	7.2	8.0			7.0	bảy tròn	6.5	Sáu năm	6.2	sáu hai			
14	261206	Sang	Sang	Sang	Nguyễn Văn Sang	20/07/2006	Nam	TH&THCS Tân Bình	T	TB	5.2	6.1	5.3	5.5			1.75	Một bảy lần	5.5	Năm năm	2.4	Hai bốn			
15	261207	Sơn	Sơn	Sơn	Lê Quảng Sơn	01/04/2006	Nam	THCS Cát Tân	K	TB	5.7	6.1	6.4	6.3	5.0		2.25	Hai hai lần	3.75	ba bảy lần	3.0	ba tròn	DTTS		
16	261208	Sơn	Sơn	Sơn	Lê Trường Sơn	30/12/2006	Nam	THCS Yên Cát	T	K	6.1	5.8	7.0	7.0	5.0		5.25	Năm hai lần	4.5	bốn năm	7.2	Bảy hai	DTTS		
17	261209	Sơn	Sơn	Sơn	Hà Văn Sơn	01/08/2006	Nam	THCS Cát Tân	K	TB	5.2	4.7	5.1	5.2	5.0		1.0	Một tròn	3.25	ba hai lần	2.8	Hai tám	DTTS		
18	261210	Sơn	Sơn	Sơn	Lê Văn Sơn	14/10/2006	Nam	TH&THCS Yên Lễ	T	TB	6.1	5.2	5.6	5.8	5.0		2.5	Hai sáu	4.0	bốn tròn	3.2	ba hai	DTTS		
19	261211	Sơn	Sơn	Sơn	Nguyễn Văn Sơn	01/06/2006	Nam	THCS Thượng Ninh	T	TB	5.3	5.5	5.5	5.8			2.5	Hai sáu	2.5	hai năm	2.2	Hai hai			
20	261212	Sử	Sử	Sử	Nguyễn Thành Sử	20/01/2006	Nam	THCS Yên Cát	T	K	6.2	6.9	7.3	7.2			6.25	sáu hai lần	6.5	Sáu năm	6.0	sáu tròn	DTTS		
21	261213	Sử	Sử	Sử	Lương Văn Sử	03/06/2006	Nam	THCS Thượng Ninh	T	TB	5.7	6.4	5.7	6.5	0.5		1.0	Một tròn	6.0	Sáu tròn	4.0	Bốn tròn	DTTS		
22	261214	Tam	Tam	Tam	Hoàng Thị Tiểu Tam	13/11/2006	Nữ	THCS Thượng Ninh	T	G	8.2	8.8	7.2	8.3	0.5		6.25	Sáu hai lần	8.0	Tám tròn	5.2	Năm hai	DTTS		
23	261215	Tam	Tam	Tam	Nguyễn Đăng Tâm	24/12/2006	Nam	THCS Xuân Quý	T	TB	6.3	6.4	5.6	6.8			5.75	Năm bảy lần	8.0	Tám tròn	4.8	bốn tám			
24	261216	Trần	Trần	Trần	Dương Thị Phương Thanh	31/12/2006	Nữ	THCS Yên Cát	T	G	8.4	7.8	7.4	8.0			6.25	sáu hai lần	8.25	Tám hai lần	5.8	Năm tám			

Danh sách có: 24 thí sinh.

HIỆU TRƯỞNG

Thanh Hóa, ngày 6 tháng 6 năm 2021

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

HỘI ĐỒNG CỎI THI

Có 0 TS sửa chữa hồ sơ dự thi thuộc về các SBD: 194, 197, 202, 207, 208, 210, 210,

Có 0 TS sửa chữa điểm ưu tiên thuộc về các SBD: 194, 197, 202, 207, 208, 210, 210,

Có 0 TS sửa chữa điểm khuyến khích thuộc về các SBD: 194, 197, 202, 207, 208, 210, 210,

Cán bộ kiểm tra hồ sơ 1: Ông Nguyễn Ngọc Sơn

Cán bộ kiểm tra hồ sơ 2: Ông Nguyễn Ngọc Sơn

Chủ tịch Hội đồng coi thi

Thanh Hóa, ngày 6 tháng 6 năm 2021

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

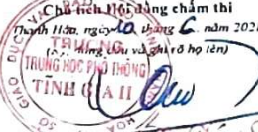
Môn thi	TO	VA	TA
Số vắng	1	1	1
Số VPCC	0	0	0

Tổ hồi phách lên điểm:

Có 0 TS sửa chữa điểm thuộc về các SBD

HỘI ĐỒNG CHẤM THI

- Cán bộ đọc điểm: Ông Nguyễn Văn Minh
- Cán bộ kiểm soát đọc: Ông Nguyễn Văn Minh
- Cán bộ ghi điểm: Ông Nguyễn Văn Minh
- Cán bộ kiểm soát ghi: Ông Nguyễn Văn Minh



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Đỗ Đình Quang